

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng tháng 7/2018 và triển khai nhiệm vụ tháng 8/2018

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ THỰC HIỆN THÁNG 7/2018

I. LĨNH VỰC KINH TẾ

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

a) Trồng trọt:

- Sản xuất vụ Hè - Thu: Tính đến ngày 17/7/2018, toàn tỉnh gieo trồng được 197.347 ha/206.860 ha KH¹, đạt 95,4% KH (trong đó: lúa nước 56.091 ha/53.000 ha KH, đạt 105,83% KH). Các địa phương đang tiếp tục gieo trồng để đảm bảo thời vụ. Thời tiết thuận lợi, nên các loại cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt.

- Cây công nghiệp lâu năm: Các địa phương đang tập trung chăm sóc; đồng thời, chuẩn bị đất, giống để trồng mới các loại cây ăn quả có giá trị kinh tế cao như bơ, sầu riêng, cam, quýt...

b) Chăn nuôi, thú y:

Trong tháng, không phát sinh gia súc, gia cầm mắc bệnh. Các ngành chức năng đã tăng cường công tác kiểm dịch động vật tại các trạm kiểm dịch đầu mối và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định; tăng cường kiểm tra công tác giết mổ gia súc, gia cầm và kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh. Trong tháng 7, kiểm dịch xuất tỉnh được 116.736 con gia súc, gia cầm²; kiểm dịch nhập tỉnh được 655.439 con gia súc, gia cầm³. Lũy kế 7 tháng, kiểm dịch xuất tỉnh được 582.598 con gia súc, gia cầm; kiểm dịch nhập tỉnh được 4.593.638 con gia súc, gia cầm.

c) Thủy sản:

Thời tiết thuận lợi và mùa mưa đến sớm hơn so với năm trước nên tình hình phát triển thủy sản trên địa bàn 7 tháng đầu năm phát triển khá, diện tích nuôi trồng thủy sản khoảng 6.325 ha đạt 55% KH; sản lượng thu hoạch khoảng 10.265 tấn, đạt 47% KH, tăng 1.529 tấn so với cùng kỳ năm trước; sản lượng khai thác thủy sản ước đạt 1.136 tấn, đạt 63,1% KH, tăng 265 tấn so với cùng kỳ năm trước. Tổng số lồng nuôi cá nước lạnh 465 lồng, tổng số lồng nuôi cá trên hồ chứa 702 lồng, tăng 162 lồng so với cùng kỳ năm trước.

¹ Ngô 58.694 ha/73.690 ha KH, đạt 79,65%; Khoai lang 2.322 ha/1.914 ha KH, đạt 121,32 %; Sắn 30.312 ha/30.650 ha KH, đạt 98,90%; Đậu xanh 6.314 ha/10.000 ha KH, đạt 63,14%; Đậu nành 1.130 ha/1.584 ha KH, đạt 71,34%; Đậu lạc 2.347 ha/2.144 ha KH đạt 109,47%; Đậu các loại khác 9.347ha/9.613 ha KH, đạt 97,23%; Rau xanh 4.461 ha/3.738 ha KH, đạt 119,34%; Mía 16.817ha/19.000 ha KH đạt 88,51%; Cây hàng năm khác 8.500ha/1.527 ha đạt 556,65%.

² Trâu 131 con, bò 346 con, heo 4.409 con, gà 69.800 con, Ngan + Vịt 42.000 con, Dê thịt 50 con.

³ Bò 2 con, heo 36.845 con, gà 607.792 con, Ngan + Vịt 10.800 con.

d) Lâm nghiệp:

Triển khai kế hoạch trồng rừng năm 2018, các đơn vị đã trồng rừng khoảng 120 ha/1.290 ha đăng ký (KH là 1.050 ha). Các cấp, các ngành tập trung chỉ đạo các chủ rừng thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ quản lý, bảo vệ, PCCC, phát triển rừng; đồng thời, tăng cường thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Trong tháng, đã xảy ra 78 vụ vi phạm lâm luật, giảm 37 vụ so với tháng trước; lực lượng chức năng đã xử lý, tịch thu 182,546 m³ gỗ các loại và 47 phương tiện vi phạm; thu nộp ngân sách nhà nước 448,758 triệu đồng. Lũy kế 7 tháng đầu năm, đã xảy ra 735 vụ vi phạm lâm luật; lực lượng chức năng đã xử lý, tịch thu: 1.089,847 m³ gỗ các loại; 358 phương tiện vi phạm; thu nộp ngân sách 6.569,632 triệu đồng.

2. Tài nguyên và Môi trường

Công tác quản lý đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước được thực hiện đúng quy định⁴. Trong tháng, cấp 07 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, diện tích 11,46ha; 1.390 Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân, diện tích 715,47ha. Lũy kế cấp GCNQSDĐ lần đầu được là 996.109,95ha/1.042.793ha, đạt tỷ lệ 95,53% diện tích cần cấp⁵. Xem xét: phê duyệt bổ sung bổ sung 04 danh mục công trình vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của thành phố Buôn Ma Thuột, huyện Krông Búk, huyện Buôn Đôn, huyện Cư M'gar; ban hành 02 Quyết định phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện Krông Pắc, huyện Ea Súp; 02 Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ xác định đơn giá thuê đất cho 02 tổ chức thuê đất trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, huyện Ea Kar; 01 Quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ tài sản gắn liền với đất và kinh phí thực hiện luật hỗ trợ tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột; ban hành 01 Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định báo cáo Đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường; 01 Quyết định phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

3. Công Thương

Giá trị sản xuất công nghiệp tháng 7/2018 (theo giá so sánh năm 2010) ước đạt 1.083 tỷ đồng, tăng 14% so với tháng trước⁶. Lũy kế 7 tháng ước đạt ước đạt 6.758 tỷ đồng, bằng 45% kế hoạch, tăng 31,7% so với cùng kỳ năm trước⁷.

Nhìn chung các nhà máy hoạt động ổn định, các nhà máy đường, sản hoạt động cầm chừng do đã hết nguồn nguyên liệu; điện thương phẩm tăng do trong tháng mức tiêu thụ của người dân tăng; điện sản xuất tăng do lượng mưa nhiều các nhà máy hoạt

⁴ Thu hồi đất của 03 tổ chức với diện tích 2,47ha; cho 02 tổ chức thuê đất với diện tích 0,14ha; giao đất cho 03 tổ chức với diện tích 1.341,51ha; cho phép 02 tổ chức chuyển mục đích sử dụng 0,54ha từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp; 01 tổ chức chuyển mục đích sử dụng 0,19ha từ đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở và đất giao thông; điều chỉnh một số nội dung quy định tại 04 Quyết định đã ban hành của UBND tỉnh. Ký 13 Hợp đồng thuê đất; 11 Phụ lục Hợp đồng thuê đất

Cấp 02 giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất của Công ty Cổ phần Cacao Intercontinental và Công ty cổ phần bệnh viện đa khoa Hòa Bình; phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho 04 tổ chức với tổng số tiền là: 209.161.526 đồng. Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản của 03 đơn vị; điều chỉnh, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của 05 đơn vị;...

⁵ Trong đó: cấp cho tổ chức 603.780/609.475ha, đạt 99,07%; cấp cho hộ gia đình, cá nhân 392.392,93ha/433.264ha, đạt 90,55%.

⁶ Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) tháng 6 là 950 tỷ đồng.

⁷ 7 tháng 2017 đạt 5.131 tỷ đồng

động tăng năng suất. Một số sản phẩm tăng như: bia các loại, bê tông và các sản phẩm từ bê tông, phân vi sinh, cà phê hoà tan, cà phê bột ... do nhu cầu tiêu thụ của người dân tăng. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 7/2018, tăng 0,86% so tháng trước, so với cùng kỳ năm trước tăng 3,01%, so với tháng 12 năm trước tăng 1,40%.

Kim ngạch xuất khẩu ước thực hiện trong tháng là 55 triệu USD; tăng 10% so với tháng 6/2018; lũy kế 7 tháng ước đạt 355 triệu USD, đạt 59,2% KH⁸, giảm 9,21% so với cùng kỳ năm trước.

Kim ngạch nhập khẩu ước thực hiện trong tháng là 3 triệu USD; bằng 9,7% so với tháng 6/2018; lũy kế 7 tháng ước đạt 64 triệu USD, đạt 160% KH, tăng 93,67% so với cùng kỳ năm trước (nhập khẩu cao do chủ yếu nhập nguyên vật liệu, máy móc thiết bị phục vụ một số dự án đang triển khai trên địa bàn và các loại hàng hóa khác).

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ trên thị trường ước thực hiện trong tháng là 5.758 tỷ đồng, tăng 2,27% so với tháng 6/2018; lũy kế 7 tháng thực hiện 39.845 tỷ đồng, đạt 58,6% KH, tăng 8,47% so với cùng kỳ năm trước.

Trong tháng, tổ chức kiểm tra hoạt động kinh doanh thương mại và dịch vụ trên thị trường đối với 113 cơ sở sản xuất, kinh doanh. Qua kiểm tra, phát hiện và xử lý 42 vụ vi phạm; thu tiền xử phạt vi phạm, nộp ngân sách nhà nước hơn 640 triệu đồng.

4. Xây dựng

Các ngành chức năng tổ chức thực hiện việc công bố giá vật tư, vật liệu và giá vật liệu xây dựng đến hiện trường xây dựng và Chỉ số giá xây dựng tháng 7 theo quy định; khảo sát, tổ chức thẩm định, thẩm tra hồ sơ, công trình, dự án trên địa bàn tỉnh đối với 49 hồ sơ, công trình. Xem xét phê duyệt chủ trương điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Krông Kmar, huyện Krông Bông. Cấp giấy phép xây dựng 09 công trình, giấy phép quy hoạch xây dựng cho 02 dự án.

5. Giao thông - vận tải

Công tác quản lý, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa, thi công công trình các quốc lộ, tỉnh lộ được các đơn vị chức năng quan tâm triển khai thực hiện, đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng và giao thông thông suốt.

Trong tháng, Khối lượng vận chuyển hàng hoá đạt 2.406 ngàn tấn, lượng hàng hoá luân chuyển đạt 348,9 triệu tấn.km; lượng vận tải hành khách đạt 8.826 ngàn hành khách, lượng hành khách luân chuyển đạt 924 triệu hành khách.km. Lũy kế 7 tháng, khối lượng vận chuyển hàng hoá đạt 15.390 ngàn tấn; lượng hàng hoá luân chuyển đạt 2.274 triệu tấn.km, tăng 14,3% so với cùng kỳ năm 2017; lượng vận tải hành khách đạt 58.317 ngàn hành khách; lượng hành khách luân chuyển đạt 6.081 triệu hành khách.km, tăng 6,62% so với cùng kỳ năm 2017. Nhìn chung, dịch vụ vận tải đáp ứng các nhu cầu vận tải hàng hóa và đi lại của nhân dân.

Tổ chức kiểm định được 5.701 lượt phương tiện (PT), kết quả 4.765 PT đạt và 936 PT không đạt tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật. Tổ chức quản lý tốt công tác đào tạo và sát hạch cấp giấy phép lái xe ô tô, mô tô theo quy định⁹.

⁸ Xuất khẩu cà phê nhân ước đạt 130.000 tấn, cà phê hòa tan ước đạt 3.200 tấn, cao su ước đạt 4.000 tấn, hạt tiêu ước đạt 3.100 tấn, điều ước đạt 280 tấn, sản phẩm sản ước đạt 63.000 tấn, sản phẩm ong ước đạt 5.000 tấn và các mặt hàng khác.

⁹ Cấp mới 72 GPXTL; cấp mới 3.718 GPLX mô tô, 1.120 GPLX ô tô; cấp đổi giấy phép lái xe cho 670 mô tô và 750 ô tô.

6. Tài chính - Ngân hàng

Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước trên địa bàn tháng 7/2018 ước thực hiện là 406,082 tỷ đồng, lũy kế 7 tháng (đến ngày 26/7/2018) thực hiện 3.345,382 tỷ đồng đạt 71,5% dự toán TW và đạt 66,9% dự toán HĐND tỉnh giao¹⁰. Tổng chi ngân sách địa phương tháng 7/2018 ước thực hiện là 1.049,619 tỷ đồng, lũy kế 7 tháng (đến ngày 26/7/2018) thực hiện 7.672,993 tỷ đồng, đạt 53,5% dự toán TW giao và đạt 52,5%, dự toán HĐND tỉnh giao¹¹.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã chỉ đạo và giám sát chặt chẽ các tổ chức tín dụng (TCTD) trên địa bàn thực hiện các cơ chế, chính sách về tiền tệ, tín dụng và hoạt động ngân hàng do NHNN ban hành. Tổng nguồn vốn huy động ước đạt 41.753 tỷ đồng, tăng 4,03% (tăng 1.618 tỷ đồng) so với đầu năm. Tổng dư nợ cho vay nền kinh tế ước đạt 84.572 tỷ đồng, tăng 6,74% (tăng 5.337 tỷ đồng) so với đầu năm (trong đó: tổng dư nợ cho vay của Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh ước đạt 4.219 tỷ đồng; tăng 6,25% so với đầu năm).

7. Tình hình phát triển doanh nghiệp, Hợp tác xã (HTX)

Trong tháng, giải quyết thủ tục đăng ký thành lập mới cho 66 doanh nghiệp (DN) dân doanh; đăng ký hoạt động cho 08 Chi nhánh (trong đó có 06 CN của DN ngoài tỉnh), 02 Văn phòng đại diện, 20 Địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. Giải quyết đăng ký thay đổi nội dung đăng ký DN cho 82 DN, 39 đơn vị trực thuộc; xác nhận thay đổi nội dung đăng ký DN cho 63 DN, 06 đơn vị trực thuộc; giải quyết hồ sơ chuyển đổi loại hình cho 13 DN. Xử lý giải thể, chấm dứt hoạt động cho 04 DN, 09 đơn vị trực thuộc. Xác nhận tạm ngừng cho 32 DN, 02 đơn vị trực thuộc. Có 18 DN tạm ngừng kinh doanh quay trở lại hoạt động. Bên cạnh đó, đã ban hành 53 Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký DN do vi phạm Luật Doanh nghiệp, vi phạm pháp luật về thuế thuộc trường hợp thu hồi giấy Chứng nhận ĐKDN. Thành lập mới 06 HTX.

Lũy kế đến nay, trên địa bàn tỉnh có 7.179 DN đang hoạt động (48 DN nhà nước, 7.125 DN dân doanh, 06 DN có vốn đầu tư nước ngoài); có khoảng 5.100 Tổ hợp tác (THT), 434 Hợp tác xã; 03 Liên hiệp HTX đã đăng ký, có 103 HTX ngừng hoạt động, chỉ còn tồn tại hình thức, nên số HTX của tỉnh còn hoạt động là 334 HTX; trong đó, thành lập mới 43 HTX.

Ngoài ra, còn có 694 DN ngoài tỉnh đăng ký hoạt động tại tỉnh theo hình thức thành lập chi nhánh, đây là những đơn vị có nhiều đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian vừa qua, trong đó có nhiều đơn vị có quy mô lớn, nếu tính cả các đơn vị này thì đến nay tổng số doanh nghiệp còn hoạt động trên địa bàn tỉnh lên đến 7.873 DN.

Ban hành Kế hoạch số 4819/KH-UBND ngày 14/6/2018 của UBND tỉnh về Kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết số 19/NQ-2019/NQ-CP ngày 15/5/2018 của

¹⁰ Trong đó: Thu thuế, phí và lệ phí: 2.567.518 triệu đồng, đạt 67,1% dự toán TW và đạt 64,7% dự toán HĐND tỉnh giao. Thu biện pháp tài chính: 586.830 triệu đồng, đạt 86,8% dự toán TW giao và đạt 69% dự toán HĐND tỉnh giao; trong đó thu tiền sử dụng đất 481.100 triệu đồng đạt 96,2% dự toán TW và đạt 71,4% dự toán HĐND tỉnh giao. Thu xổ số kiến thiết: 78.245 triệu đồng, đạt 60,2% dự toán TW và dự toán HĐND tỉnh giao. Thu thuế XNK: 112.789 triệu đồng đạt 225,6% dự toán TW và dự toán HĐND tỉnh giao.

¹¹ Trong đó: Tổng chi đầu tư phát triển: 1.661.620 triệu đồng, đạt 47,8% dự toán TW giao và đạt 45,4% dự toán HĐND tỉnh giao. Tổng chi thường xuyên: 5.962.411 triệu đồng, đạt 56,3% dự toán TW giao và đạt 55,8% dự toán HĐND tỉnh giao. Tổng chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia: 48.962 triệu đồng, đạt 17,6% dự toán TW và dự toán HĐND tỉnh giao.

Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Tiếp tục thực hiện kế hoạch sắp xếp, đổi mới DNNN trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch đã được phê duyệt: Đã thực hiện cổ phần hóa được 01 DNNN (Công ty TNHH MTV Cà phê Phước An), sắp xếp theo hình thức khác (chuyển thành Công ty TNHH 2TV) đối với 06 doanh nghiệp; các Công ty còn lại đang trong tiến trình hoàn thiện các thủ tục cổ phần hóa; giải thể, chuyển thành Công ty TNHH 2TV theo quy định.

8. Công tác xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư và kinh tế đối ngoại

8.1. Công tác xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư

Trong tháng, UBND tỉnh đã phê duyệt Quyết định chủ trương đầu tư 02 dự án, với tổng vốn đầu tư khoảng 1.277 tỷ đồng và đang xem xét quyết định chủ trương đầu tư cho 03 dự án.

Thực hiện tốt công tác tiếp đón, cung cấp thông tin về danh mục kêu gọi đầu tư, môi trường đầu tư, chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư, hướng dẫn thủ tục đầu tư... Tạo được sự thu hút nhất định đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước, hứa hẹn sẽ đem lại kết quả tốt về công tác thu hút kêu gọi đầu tư của tỉnh trong thời gian tới. Hiện nay, đã có nhiều nhà đầu tư quan tâm, đăng ký dự án đầu tư; nhưng do vướng mắc trong thực hiện Kết luận số 53 của Kiểm toán nhà nước về nội dung đấu giá hay đấu thầu dự án có sử dụng đất (UBND đã kiến nghị Tổng kiểm toán nhưng chưa được giải quyết) nên đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện.

Sở Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì cùng với các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát lại danh mục kêu gọi dự án đầu tư, hoàn thiện, bổ sung các thông tin của từng danh mục. Đồng thời, thống nhất đề xuất giải quyết vướng mắc liên quan đến quy hoạch các vị trí danh mục kêu gọi dự án đầu tư. Trong tháng 8/2018 Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ hoàn thành danh mục, trình UBND tỉnh.

8.2 Kinh tế đối ngoại

Các ngành chức năng đã giải quyết thủ tục cho 14 đoàn (33 lượt người nước ngoài) đến thăm, làm việc trên địa bàn tỉnh; 38 đoàn (104 cán bộ, công chức, viên chức) đi nước ngoài. Làm việc với Đoàn công tác của Hội Hữu nghị Lào Việt tỉnh Sê Kông – CHDCND Lào sang tỉnh để tổ chức Lễ Kết nghĩa với Hội Hữu nghị Việt Nam – Lào tỉnh Đắk Lắk; Đoàn công tác của Thành phố Goulburn (Úc) ... Theo dõi các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài theo quy định; làm tốt công tác hợp tác quốc tế và văn hóa đối ngoại.

Phân khai chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách tỉnh¹² cho Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả. Phê duyệt khoản viện trợ phi dự án: Phẫu thuật cho trẻ em bị dị tật môi, vòm miệng và chương trình nha khoa cộng đồng tại Đắk Lắk. Xem xét việc gia hạn thời gian rút vốn vay ODA Đan Mạch cho Dự án Mở rộng hệ thống thoát nước mưa, nước thải và đấu nối hệ gia đình trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột;...

9. Về đầu tư xây dựng cơ bản (XDCB)

a) Nguồn vốn đầu tư năm 2016 kéo dài thực hiện sang năm 2018: Tổng số vốn còn lại chưa giải ngân là 6.105 triệu đồng, UBND tỉnh đã có Công văn số

¹² Giao tại Phụ lục 5 Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

5486/UBND-TH ngày 06/7/2018 báo cáo Bộ Tài chính cho phép tiếp tục triển khai thực hiện.

b) Nguồn vốn đầu tư năm 2017 kéo dài thực hiện sang năm 2018:

Theo số liệu Kho bạc Nhà nước tỉnh, đến hết ngày 31/7/2018, số vốn đầu tư năm 2017 kéo dài thực hiện sang năm 2018 đã giải ngân 36,901 tỷ đồng/178,558 tỷ đồng, đạt 20,6% (Số vốn còn lại chưa giải ngân là: 141,657 tỷ đồng), trong đó:

- Đối với các nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ đã giải ngân 2,371 tỷ đồng/30,555, đạt 7,8%;
- Trái phiếu Chính phủ đã giải ngân 7,239 tỷ đồng/59,613 tỷ đồng, đạt 12,1%;
- Nguồn vốn chương trình MTQG đã giải ngân 17,243 tỷ đồng/32,347 tỷ đồng, đạt 53,3%;
- Nguồn vốn ngân sách tỉnh đã giải ngân 10,048 tỷ đồng/56,042 tỷ đồng, đạt 17,9%;

c) Nguồn vốn kế hoạch năm 2018:

Tổng nguồn vốn XD CB thuộc NSNN năm 2018 đã giao kế hoạch là 3.883,224 tỷ đồng, (trong đó: Giao thực hiện các dự án là 3.122,316 tỷ đồng). Tính đến ngày 31/7/2018, đã giải ngân vốn đầu tư XD CB được 1.022,606/3.122,316 tỷ đồng, đạt 33% KH¹³ (tăng 6 % so với cùng kỳ tháng trước).

(Chi tiết tại biểu kèm theo)

* Tỷ lệ giải ngân thấp là do một số nguyên nhân sau:

- Trung ương chưa có hướng dẫn thực hiện đối với nguồn vốn đầu tư thực hiện chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở¹⁴.
- Dự án Hồ thủy lợi Ea Tam chưa giải ngân được do đang trong giai đoạn thực hiện các thủ tục có liên quan¹⁵.
- Dự án Đường Đông Tây, thành phố Buôn Ma Thuột: 30,02 tỷ đồng, chưa giải ngân do mới được giao tại Quyết định số 1526/QĐ-UBND ngày 6/7/2018.
- Các công trình mở mới 2018 (có 1/6 công trình đã triển khai thi công và đã

¹³ (1) Nguồn vốn ngân sách địa phương: Giải ngân 549,162/11.033,811 tỷ đồng, đạt 53,12%; (2) Nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ (vốn trong nước): Giải ngân 201,670/315 tỷ đồng, đạt 64,02%; (3) Nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ (vốn nước ngoài), giải ngân: 199,739/900 tỷ đồng, đạt 22,19%; (4) Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, giải ngân: 52,860/679,040 tỷ đồng, đạt 7,78% (trong đó Kiên cố hóa trường lớp học: Giải ngân 52,860/59,040 tỷ đồng, đạt 89,53%; Hồ thủy lợi Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột: chưa giải ngân); (5) Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia: Đã giải ngân 5,004/194,465 tỷ đồng, đạt 2,57%. Hiện nay, các huyện, thị xã, thành phố đang lập hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư danh mục dự án. Đã có 14/15 đơn vị lập xong hồ sơ, gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để cùng các ngành thẩm định; còn 01 đơn vị chưa có hồ sơ là TP. Buôn Ma Thuột; trong đó đã thẩm định 12/14 đơn vị, hiện nay đang tiến hành thực hiện đầu tư để giải ngân theo quy định.

¹⁴ Đối với nguồn vốn đầu tư thực hiện chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ 17.928 triệu đồng. UBND tỉnh đã có văn bản đề nghị Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn thực hiện; ngày 22/3/2018, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có Công văn số 1767/BKHĐT-KTĐPLT và ngày 20/4/2018, Bộ Xây dựng có Công văn số 879/BXD-QLN trả lời kiến nghị của tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, nội dung trả lời của 02 Bộ chưa rõ ràng và không có hướng dẫn cụ thể để địa phương thực hiện.

¹⁵ Dự án Hồ thủy lợi Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột (620 tỷ đồng - nguồn vốn trái phiếu Chính phủ); đến nay, dự án mới phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi và đang tiến hành thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu tư vấn khảo sát, thiết kế, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, nên chưa giải ngân được.

giải ngân 4,822 tỷ đồng, đạt 98,4% KH vốn) còn 5 công trình hiện các đơn vị chủ đầu tư còn đang hoàn thiện các thủ tục đầu tư theo quy định.

- Đối với các Chương trình mục tiêu quốc gia: Việc giao kế hoạch vốn cho các đơn vị, chủ đầu tư còn chậm (ngày 09/4/2018 tỉnh mới có Quyết định giao vốn). Đối với danh mục dự án khởi công mới theo Nghị định 161/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ thì sau khi có Quyết định giao vốn các xã mới tổ chức họp dân để lựa chọn công trình, xác định mức huy động và lập hồ sơ để thẩm định, phê duyệt. Đến nay, UBND tỉnh đã phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục dự án cho 14 đơn vị¹⁶ (Riêng TP Buôn Ma Thuột đã có văn bản xin chậm đến cuối tháng 8 với lý do chờ HĐND Thành phố họp bất thường để thông qua KH đầu tư công trung hạn 2016-2020 của Thành phố).

- Đối với nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ (vốn trong nước) và ngân sách tỉnh: Một số đơn vị chậm thực hiện các thủ tục để giải ngân¹⁷.

- Đối với nguồn vốn ODA: Một số dự án cần điều chỉnh hồ sơ dự án; tập trung giải phóng mặt bằng; một số dự án đã có khối lượng thanh toán, chủ đầu tư đang chuẩn bị các thủ tục gửi cho Bộ Tài chính xem xét thông qua để gửi Nhà tài trợ giải ngân.

d) Công tác kiểm toán: Trong tháng 7, các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước cùng 05 Chủ đầu tư (UBND các huyện: Krông Ana, Krông Búk, Ea Súp, Thành phố Buôn Ma Thuột và Công ty TNHH MTV ĐT&MT Đắc Lắc) làm việc với Đoàn Kiểm toán Nhà nước Chuyên ngành IV, trong đó thực hiện kiểm toán các dự án thuộc nguồn vốn trung ương - Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng gai đoạn 2016-2017 (tổng cộng 40 dự án). Bên cạnh các danh mục dự án được thông báo trước (06 dự án/05 chủ đầu tư), Đoàn còn yêu cầu cung hồ sơ của các dự án còn lại. Các đơn vị và các chủ đầu tư đã phối hợp cung cấp thông tin, tài liệu và giải trình theo yêu cầu của Đoàn kiểm toán. Tuy nhiên, do trong một thời gian ngắn, hồ sơ tài liệu phải cung cấp nhiều trong khi việc lưu trữ của một số chủ đầu tư chuyển giao qua nhiều người nên có lúc không kịp thời. Đoàn dự kiến kết thúc làm việc vào ngày 05/8/2018 và đăng ký làm việc với UBND tỉnh thông qua dự thảo Kết luận kiểm toán vào ngày 14/8/2018.

e) Công tác giám sát đánh giá đầu tư và giám sát, theo dõi hoạt động đầu thầu: Trong tháng, cơ quan thẩm định cấp tỉnh đã tiến hành thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với 13 dự án, lũy kế 7 tháng là 73 dự án; thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình đối với 08 dự án, lũy kế 7 tháng là 54 dự án. Giám sát, theo dõi hoạt động đầu thầu đối với 28 lượt hồ sơ, lũy kế tháng là 113 hồ sơ, không có hồ sơ vi phạm các quy định về đầu thầu.

¹⁶ Trong đó mới có 04/14 đơn vị hoàn thành xong việc phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình, phân khai chi tiết kế hoạch vốn và đang triển khai thực hiện (UBND các huyện Krông Bông, Krông Năng, Buôn Đôn và thị xã Buôn Hồ), 10/14 đơn vị còn lại đang lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình để triển khai thực hiện.

¹⁷ Một số dự án cuối năm 2017 đã hoàn thành được bố trí vốn trong kế hoạch năm 2018 nhưng các chủ đầu tư không tích cực làm các thủ tục để giải ngân (nguồn vốn ngân sách trung ương: 01 dự án Trụ sở làm việc HĐND - UBND tỉnh chưa giải ngân 18.085 triệu đồng; 14 dự án thuộc nguồn vốn ngân sách tỉnh chưa giải ngân hoặc giải ngân rất thấp 14.293 triệu đồng). Một số dự án chuyển tiếp đang quá trình tập trung thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; một số dự án đã có khối lượng nhưng chủ đầu tư không tích cực thực hiện giải ngân.

II. LĨNH VỰC KHOA GIÁO - VĂN XÃ

1. Giáo dục và Đào tạo

Ngành giáo dục đã triển khai tổ chức tốt Kỳ thi THPT quốc gia năm 2018 tại Hội đồng thi Đắk Lắk: Hoàn thành công tác chấm thi, xét công nhận tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2018, kết quả có 20.006/20.760 thí sinh đỗ tốt nghiệp, đạt tỷ lệ 96,37%, so với năm 2017 tăng 1,25% (Năm 2017: có 19.222 thí sinh đỗ tốt nghiệp, đạt tỷ lệ 95,12%). Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ, giáo viên¹⁸. Tổ chức các cuộc thanh tra, kiểm tra đối với một số cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đúng quy định¹⁹.

2. Y tế

Công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân được duy trì thực hiện. Kết thúc đợt thanh tra về ATTP tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trên địa bàn tỉnh đợt 2 năm 2018 với kết quả 24/35 cơ sở đạt yêu cầu; xử lý 11 cơ sở vi phạm (Phạt cảnh cáo 03 cơ sở, phạt tiền 08 cơ sở với số tiền phạt 23 triệu đồng). Ngoài ra, có 08 ca mắc Cúm A/H1N1; 43 ca mắc sốt xuất huyết với 02 ổ dịch (tại huyện Cư M'gar và Ea H'Leo), 79 ca Bệnh Tay chân miệng với 07 ổ dịch (Tại TP BMT và các huyện Ea H'Leo, Krông Năng, Lắk), không có trường hợp tử vong; không phát hiện thêm trường hợp mắc HIV, AIDS mới. Công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em tiếp tục được chú trọng. Hoạt động kiểm tra, giám sát chất lượng thuốc được thực hiện thường xuyên. Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để đưa Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên đi vào hoạt động trong năm 2018.

* **Bảo hiểm xã hội:** Trong tháng, số người tham gia BHXH, BHYT, BHTN là 3.298 người, thu 250 tỷ đồng, lũy kế 7 tháng thu 1.531,659 tỷ đồng. Tổng số tiền chi trong tháng là 187,907 tỷ đồng, lũy kế 7 tháng là 1.256,694 tỷ đồng. Tổng số tiền nợ BHXH, BHYT, BHTN lũy kế 7 tháng là 73,745 tỷ đồng.

3. Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Xem xét ban hành Đề án nâng cao chất lượng, đổi mới hình thức hoạt động của Bảo tàng tỉnh để thu hút khách tham quan và phát triển du lịch; Đề án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị lịch sử Nhà tù Buôn Ma Thuột. Trưng bày lưu động chuyên đề: “Không gian văn hóa các dân tộc Đắk Lắk” tại huyện Lắk. Triển khai các công tác tuyên truyền, cổ động, biểu diễn nghệ thuật, thư viện, điện ảnh²⁰,...

Tổ chức giải vô địch Võ thuật Cổ truyền trẻ tỉnh Đắk Lắk năm 2018; giải Taekwondo vô địch các lứa tuổi tỉnh Đắk Lắk năm 2018. Đội tuyển Bóng đá Đắk Lắk tham gia thi đấu giải Bóng đá hạng Nhất quốc gia xếp hạng 3/10 đội. Các đội tuyển

¹⁸ Tập huấn về Phương pháp dạy học Tiết đọc thư viện cho giáo viên cấp tiểu học (có 190 giáo viên tham gia); phương pháp dạy học môn Tin học cho giáo viên cấp Tiểu học (360 cán bộ, giáo viên tham gia); Tập huấn Thông tư 35 và công tác thu thập số liệu Phở cập giáo dục Tiểu học – Xóa mù chữ năm 2018 (có 120 giáo viên tham gia); tổ chức tại Thị xã Buôn Hồ (có 194 giáo viên tham gia); ...

¹⁹ Kiểm tra công tác chuẩn bị Chương trình dạy bơi miễn phí cho học sinh trong dịp hè năm 2018 tại các huyện, thị xã, thành phố. Kiểm tra thư viện trường Tiểu học đạt chuẩn và kiểm tra kỹ thuật trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia tại các trường Tiểu học Lê Lợi, Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi (huyện Ea Súp); Tiểu học Kim Đồng, Tiểu học Ngô Quyền, Phan Đình Phùng (huyện Krông Pắc). Thẩm định cấp phép hoạt động trung tâm tư vấn du học Quốc tế IROHA, TP. Buôn Ma Thuột. Thẩm định thành lập Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học tại huyện Cư Kuin, Lắk.

²⁰ Tổ chức 40 buổi chiếu phim lưu động thu hút hơn 10.000 lượt người xem và 25 suất chiếu phim tại rạp phục vụ hơn 1.100 lượt khán giả (10 suất chiếu phục vụ thiếu nhi nhân dịp hè). Thư viện tỉnh phục vụ 14.355 lượt bạn đọc, với 18.697 lượt sách báo luân chuyển; cấp mới 395 thẻ bạn đọc;...

duy trì tập luyện theo kế hoạch để tham gia các giải thể thao toàn quốc²¹.

Tổ chức lớp phổ biến Luật Du lịch năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Du lịch. Trong tháng, tiếp đón khoảng 65.000 lượt khách du lịch, giảm 4,4% so với tháng trước²²; doanh thu du lịch ước đạt 62 tỷ đồng, giảm 1,59% so với tháng trước. Lũy kế 7 tháng, tiếp đón khoảng 500.000 lượt khách, đạt 61,7% kế hoạch, tăng 22,55% so với cùng kỳ; doanh thu du lịch ước đạt 455 tỷ đồng, đạt 60,7% kế hoạch và tăng 30,7% so với cùng kỳ năm trước.

4. Thông tin - Truyền thông và Phát thanh - Truyền hình

Tình hình hoạt động mạng lưới Bưu chính, Viễn thông ổn định, cơ sở hạ tầng được đầu tư phát triển và mở rộng phạm vi, nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân. Tình hình an ninh, an toàn mạng lưới được đảm bảo. Hoạt động báo chí trong thời gian qua nâng cao cả về số lượng và chất lượng. Tăng cường việc sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống thư điện tử công vụ nhằm tin học hóa công tác hành chính, điều hành của từng cơ quan, đơn vị. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cải cách hành chính của tỉnh, từng bước xây dựng chính quyền điện tử. Tổ chức thành công Hội nghị tập huấn công tác thông tin đối ngoại năm 2018 với hơn 120 học viên tham dự. Triển khai công tác tuyên truyền góp phần đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, lập thành tích chào mừng các ngày lễ, ngày kỷ niệm của đất nước²³.

Trong tháng, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đã sản xuất 1.714 tin; 731 phóng sự, tổ chức 44 cuộc phát thanh trực tiếp; sản xuất phát sóng 39 chuyên mục trên sóng phát thanh; tiếp phát sóng truyền thanh được 1.255^h30'. Sản xuất 1.519 tin; 597 phóng sự phát sóng truyền hình trong các chuyên trang, chuyên mục và các chương trình thời sự hàng ngày; tổ chức 36 cuộc truyền hình trực tiếp; sản xuất phát sóng 51 chuyên mục trên sóng truyền hình; phát sóng truyền hình được 4.030^h.

5. Lao động, Thương binh và Xã hội

Trong tháng, đã tư vấn việc làm, nghề nghiệp cho 3.551 lượt người; giới thiệu việc làm cho 1.278 lượt người; tiếp nhận, hướng dẫn nội quy lao động cho 01 doanh nghiệp; xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án Khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Phê duyệt kế hoạch kinh phí thăm, tặng quà đối tượng chính sách có công và tổ chức các hoạt động Kỷ niệm 71 năm ngày Thương binh – Liệt sĩ. Giải quyết chế độ đối với 296 hồ sơ người có công, thân nhân người có công và các đối tượng khác đủ điều kiện. Tổ chức Đoàn kiểm tra của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh giai đoạn 2016 – 2020 về kiểm tra kết quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia 6 tháng đầu năm 2018 tại các huyện Ea Súp, Buôn Đôn, Cư M'gar, Cư Kuin, Krông Ana. Tập huấn xây dựng Mô hình

²¹ Tham gia giải Vô địch trẻ bắn súng tại Hà Nội; giải vô địch cúp võ cổ truyền tại Lào Cai (02 HCB); giải Vô địch cử tạ trẻ tại Hải Phòng; giải Điền kinh quốc tế TP. HCM tại Thành phố Hồ Chí Minh; giải Cúp các câu lạc bộ Karatedo toàn quốc năm 2018 tại Gia Lai. Tham gia giải Vô địch trẻ nam nữ toàn quốc năm 2018 tại Quảng Ngãi (01 HCV, 02 HCB; 02 HCB); giải Vô địch trẻ Võ Cổ truyền toàn quốc 2018 tại Sóc Trăng (03 HCB); giải Vô địch trẻ Kick Boxing toàn quốc tại Gia Lai (01 HCV, 02 HCB, 04 HCB; xếp thứ 3 toàn đoàn trên tổng số 16 đoàn)....

²² Trong đó: khách quốc tế ước đạt 6.000 lượt khách, giảm 1,64% so với tháng trước; khách trong nước ước đạt 59.000 lượt, giảm 4,85% so với tháng trước.

²³ Như: Ngày Dân số Thế giới (11/7); 67 năm ngày thành lập lực lượng thanh niên xung phong Việt Nam (15/7); 64 năm ngày Kí hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh Đông Dương (20/7/1954 - 20/7/2018); 56 năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Lào (18/7); 71 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7); 89 năm Ngày thành lập Công đoàn Việt Nam (28/7). ..

ngôi nhà an toàn phòng chống tai nạn thương tích trẻ em năm 2018 tại các huyện: Ea Kar, Ea H'leo, Krông Pắc và Cư M'gar; tổ chức chương trình khám miễn phí các bệnh về mắt cho 158 em, chỉ định phẫu thuật 33 em; phối hợp với Tổ chức Children Action, Bệnh viện Đa khoa Thiện Hạnh và Bệnh viện Đa khoa huyện Cư Kuin tổ chức khám cho 167 trẻ em bị khuyết tật vận động - sẹo bỏng, chỉ định phẫu thuật 41 trẻ em;...

6. Khoa học và Công nghệ (KH&CN)

Trong tháng, thực hiện tư vấn, hướng dẫn cho 02 cơ sở lập hồ sơ cấp giấy phép hoạt động trong lĩnh vực an toàn bức xạ. Thực hiện kiểm định 1.028 phương tiện đo (PTĐ), gồm kiểm định ban đầu, kiểm định định kỳ, kiểm định bất thường, không có PTĐ không đạt quy định.

Tiếp tục theo dõi, hướng dẫn và phối hợp quản lý 18 đề tài/dự án cấp quốc gia, trong đó 08 dự án nông thôn miền núi (NTMN), các nhiệm vụ đang triển khai cơ bản đảm bảo theo đúng nội dung Thuyết minh đã phê duyệt. Hướng dẫn triển khai 01 dự án NTMN ủy quyền cho địa phương. Phối hợp hướng dẫn 02 nhiệm vụ cấp thiết địa phương năm 2019. Hướng dẫn hoàn thiện 03 đề xuất đặt hàng nhiệm vụ cấp quốc gia năm 2019. Triển khai 39 đề tài/dự án KH&CN chuyển tiếp và 16 đề tài mở mới năm 2018 cấp tỉnh và tổ chức hội đồng tuyển chọn, đánh giá, nghiệm thu các đề tài cấp tỉnh và cơ sở.

7. Công tác dân tộc

Triển khai thực hiện các đề án, chính sách hỗ trợ đầu tư cho đối tượng hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số như: Chương trình 135²⁴, Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg, Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định 18/2011/QĐ-TTg, Đề án: “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số”²⁵,... nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu và kế hoạch đã đề ra, góp phần mang lại sự thay đổi tích cực trên tất cả các lĩnh vực đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số.

III. LĨNH VỰC NỘI CHÍNH, NỘI VỤ

1. Nội vụ

Công tác tiếp nhận, bổ nhiệm và điều động cán bộ, công chức, viên chức thực hiện đúng quy định²⁶. Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức²⁷. Công tác nâng lương trước thời hạn đảm bảo đúng quy định đối với 20 trường hợp²⁸. Quyết định phê duyệt danh sách cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đủ điều kiện tinh giản biên chế đợt II năm 2018 với 83 trường hợp. Kện toàn cơ cấu tổ

²⁴ Đang xem xét phê duyệt Kế hoạch thực hiện Tiểu dự án nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở thuộc Chương trình 135 năm 2018. hiện nay UBND các huyện, thị xã đang tiến hành triển khai tổ chức thực hiện Quyết định số 726/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 của UBND tỉnh theo quy định.

²⁵ Ban Dân tộc tỉnh phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình xây dựng phóng sự tuyên truyền thực hiện Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số” giai đoạn 2016 – 2020.

²⁶ Quyết định tiếp nhận và bổ nhiệm, điều động và bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cho 02 trường hợp; Quyết định, thỏa thuận tiếp nhận, điều động cho 73 trường hợp; ...

²⁷ Thỏa thuận cử viên chức đi ôn tập và dự thi sau đại học 01 trường hợp; triển khai các lớp bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức năm 2018.

²⁸ Thỏa thuận nâng bậc lương trước thời hạn, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương 70 trường hợp; quyết định nâng bậc lương trước thời hạn, điều chỉnh hệ số thâm niên vượt khung 03 trường hợp.

chức bộ máy một số đơn vị, tạo điều kiện thực hiện tốt nhiệm vụ được giao²⁹. Công tác xây dựng chính quyền; quản lý nhà nước về văn thư, lưu trữ được thực hiện đúng quy định. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về thanh niên trên địa bàn tỉnh. Công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo; thi đua khen thưởng³⁰ được quan tâm triển khai thực hiện theo quy định.

3. Tư pháp

Công tác góp ý, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL được thực hiện kịp thời, đảm bảo chất lượng: góp ý, có ý kiến đối với 26 dự thảo văn bản; thẩm định 04 dự thảo văn bản QPPL; cập nhật 04 văn bản lên cơ sở dữ liệu văn bản QPPL của tỉnh. Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính³¹ (XLVPHC) và theo dõi thi hành pháp luật được đẩy mạnh thực hiện. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) đã chú trọng tuyên truyền các văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến người dân, đặc biệt là việc chuẩn bị tổ chức Hội thi “Hòa giải viên giỏi” năm 2018 và hưởng ứng Cuộc thi “Tìm hiểu pháp luật trực tuyến” năm 2018 do Bộ Tư pháp tổ chức góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân; việc cấp phiếu Lý lịch tư pháp được thực hiện kịp thời, đúng quy định, nhận được sự hài lòng của người dân: đã giải quyết 721 trường hợp yêu cầu cấp Phiếu LLTP; công tác trợ giúp pháp lý (TGPL) đã kịp thời bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các đối tượng thụ hưởng chính sách TGPL³²...

4. Thanh tra

Ngành Thanh tra đã triển khai 66 cuộc thanh tra hành chính và 88 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành. Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện sai phạm, với tổng số tiền 2.016 triệu đồng, đã có kiến nghị xử lý phù hợp đối với sai phạm³³.

Thanh tra các cấp, các ngành trong tỉnh tiếp 57 lượt công dân đến khiếu nại, kiến nghị, phản ánh, với 57 vụ việc; tổng số đơn phải xử lý là 134 đơn, trong đó có 94 đơn đủ điều kiện xem xét, xử lý, nội dung chủ yếu tập trung vào công tác quản lý đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng, chế độ chính sách...

4. Công tác Cải cách hành chính (CCHC)

Triển khai Kế hoạch cải thiện Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công năm 2018; Kế hoạch kiểm tra CCHC của tỉnh; Tổ chức cuộc thi “Tìm kiếm sáng kiến, giải pháp CCHC tỉnh Đắk Lắk năm 2018”. Triển khai Kế hoạch tổ chức lớp tập huấn về lập kế hoạch, theo dõi và đánh giá thực hiện nhiệm vụ CCHC. Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh phát sóng trực tiếp

²⁹ Kien toàn, thay đổi thành viên của 04 tổ chức phối hợp liên ngành của tỉnh; Quyết định về việc thành lập Trung tâm Ngoại ngữ Quốc tế Popodoo và Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Trường Sơn;...

³⁰ Tặng Bằng khen cho 34 tập thể và 30 cá nhân thuộc các cơ quan đơn vị và tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh cho 47 cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong phong trào thi đua từ năm 2015 đến năm 2017. Xác nhận thành tích kháng chiến cho 12 trường hợp;...

³¹ Ban hành Kế hoạch triển khai Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2022. Tổ chức hội thảo về thực trạng tổ chức thi hành các quy định về tội phạm môi trường tại huyện Buôn Đôn, Krông Ana, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh và tổ chức hội thảo về thực trạng tổ chức thi hành các quy định về tội phạm môi trường trên địa bàn tỉnh.

³² Đã thực hiện 69 vụ việc (34 vụ việc hình sự, 25 vụ việc dân sự, 02 vụ việc hành chính, 06 vụ việc chính sách, 02 lĩnh vực khác) cho 69 đối tượng.

³³ - Về thanh tra hành chính đã phát hiện sai phạm về kinh tế với số tiền là 1.377 triệu đồng (kiến nghị thu hồi nợ ngân sách nhà nước 425 triệu đồng; kiến nghị xử lý khác 952 triệu đồng);

- Về thanh tra, kiểm tra chuyên ngành phát hiện sai phạm là 639 triệu đồng, ban hành 63 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền là 639 triệu đồng, đã thu hồi nợ ngân sách nhà nước 175 triệu đồng.

Chương trình “Dân hỏi – Thủ trưởng cơ quan hành chính trả lời” tháng 7, chủ đề về “Thủ tục hành chính trong lĩnh vực xây dựng”.

5. An ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội

Duy trì nghiêm công tác sẵn sàng chiến đấu, phối hợp đấu tranh, ngăn chặn thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, giữ vững an ninh, chính trị trên địa bàn tỉnh.

Phát hiện, điều tra 10 vụ, 11 đối tượng vi phạm pháp luật về trật tự quản lý kinh tế, giảm 01 vụ so với tháng 6/2018; các vi phạm phổ biến liên quan các quy định về khai thác và bảo vệ rừng, các hoạt động kinh doanh, buôn bán hàng cấm. Phát hiện, điều tra 39 vụ, 32 tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường, tăng 16 vụ so với tháng 6/2018. Xảy ra 113 vụ xâm phạm trật tự an toàn xã hội, giảm 04 vụ so với tháng trước. Phát hiện, bắt giữ 24 vụ, 22 đối tượng phạm tội về ma túy, tăng 06 vụ so với tháng trước.

Xảy ra 24 vụ tai nạn giao thông làm chết 13 người, bị thương 20 người, hư hỏng 29 phương tiện các loại (giảm 01 vụ, giảm 06 người bị thương và bằng số người chết so với tháng 6/2018); tuần tra kiểm soát, phát hiện, lập biên bản 9.811 trường hợp vi phạm an toàn giao thông.

Xảy ra 03 vụ cháy, không có thiệt hại về người nhưng thiệt hại về tài sản ước khoảng 1.000 triệu đồng; xử phạt hành chính về PCCC 01 trường hợp vi phạm, với số tiền 3,5 triệu đồng. Xảy ra 06 vụ tự tử (06 người chết); bị điện giật 02 vụ (02 người chết); sốc ma túy (01 người chết).

*** ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2018, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn giữ được ổn định và có bước phát triển; kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế tương đối tích cực: Kim ngạch nhập khẩu, sản xuất công nghiệp tăng hơn so với cùng kỳ. Các loại cây trồng vẫn duy trì gieo trồng tốt, sản xuất chăn nuôi từng bước ổn định, không phát sinh dịch bệnh lớn. Phát triển doanh nghiệp được quan tâm, số doanh nghiệp thành lập mới tăng hơn so với cùng kỳ. Hoạt động thương mại và dịch vụ đáp ứng các yêu cầu phục vụ nhân dân; tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ trên thị trường tăng khá so với cùng kỳ năm trước; tổng thu cân đối ngân sách nhà nước đạt kết quả tích cực; giao thông vận tải đảm bảo nhu cầu vận chuyển hàng hóa và nhu cầu đi lại của nhân dân. Các hoạt động văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến, sôi nổi; công tác khám chữa bệnh vẫn duy trì tốt, an sinh xã hội được bảo đảm; quốc phòng - an ninh được giữ vững, trật tự an toàn giao thông có chuyển biến.

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn những tồn tại, hạn chế như:

Tình trạng chặt phá rừng, vi phạm về lâm luật còn diễn biến phức tạp. Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực của tỉnh như: Cà phê nhân, hồ tiêu, sản phẩm ong... trong 7 tháng đầu năm đều giảm cả về lượng và giá trị so với cùng kỳ năm trước. Thu hút đầu tư còn hạn chế, vướng mắc đối với các dự án đầu tư sử dụng đất theo Thông báo số 53/TB-KTNN ngày 19/01/2018 của Kiểm toán nhà nước vẫn chưa được tháo gỡ. Tiến độ thực hiện các dự án đầu tư XD CB và giải ngân đạt thấp so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ hồ sơ TTHC được người dân nộp qua mạng (mức 3, 4) và qua dịch vụ Bưu chính công ích còn thấp.

Tình hình an ninh, trật tự trên một số địa bàn, lĩnh vực còn tiềm ẩn phức tạp; hiệu quả giải quyết một số vụ tranh chấp, khiếu kiện còn hạn chế; tình hình tội phạm

hình sự ở mức cao, ý thức chấp hành pháp luật về giao thông của một bộ phận người dân còn hạn chế.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG 8/2018

Để hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra, trong tháng 8/2018, các Sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tiếp tục thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra; tăng cường thu hút đầu tư, tập trung tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh; chú trọng bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Các Sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan:

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1378/QĐ-UBND ngày 20/6/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu kinh tế tỉnh Đắk Lắk gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2017 – 2025, định hướng đến 2030.

- Tỉnh đoàn Đắk Lắk chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai Kế hoạch tổ chức cuộc thi Khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh tỉnh Đắk Lắk năm 2018.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Thường xuyên theo dõi tình hình KT-XH và việc thực hiện kịch bản tăng trưởng năm 2018 được UBND tỉnh ban hành tại Báo cáo số 71/BC-UBND ngày 06/4/2018, tham mưu UBND tỉnh những giải pháp chỉ đạo, điều hành cụ thể, phù hợp.

- Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh:

+ Triển khai cơ chế chính sách, tháo gỡ khó khăn vướng mắc tạo điều kiện cho kinh tế tập thể phát triển, trong đó, tập trung công tác giải thể đối với các HTX tồn tại hình thức, ngừng hoạt động và công tác đăng ký lại HTX theo Luật HTX năm 2012. Triển khai các hoạt động hỗ trợ kinh tế tập thể theo kế hoạch đã được phê duyệt, cụ thể: tổ chức lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức, nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý HTX địa phương và cán bộ HTX trên địa bàn tỉnh.

+ Tiếp tục triển khai thực hiện các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và khởi sự kinh doanh theo Kế hoạch số 2722/KH-UBND ngày 09/4/2018 của UBND tỉnh.

+ Trình UBND tỉnh Danh mục kêu gọi các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

+ Chủ trì cùng các sở, ngành có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh tiếp tục kiến nghị Tổng Kiểm toán Nhà nước xem xét và giải quyết các kiến nghị của tỉnh về Kết luận số 53 của Kiểm toán Nhà nước nhằm giải quyết các khó khăn vướng mắc trong thu hút đầu tư đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

3. Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh

Rà soát và thực hiện kế hoạch thu ngân sách theo các nguồn thu và các đối

tượng nộp thuế; đẩy mạnh thực hiện công tác chống thất thu và thu hồi nợ đọng thuế; tạo điều kiện thuận lợi để người dân, doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ thuế. Quản lý chặt chẽ chi ngân sách nhà nước, tăng cường thực hiện các biện pháp kiểm tra, giám sát trong việc chi tiêu ngân sách, không để xảy ra tình trạng nợ lương và các chính sách an sinh xã hội; thực hiện triệt để tiết kiệm chi, kiên quyết cắt giảm tối đa các khoản chi chưa thật sự cần thiết. Rà soát tình hình thu chi của các đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tập trung đánh giá, có giải pháp cụ thể để thực hiện hoàn thành chỉ tiêu Tỷ lệ che phủ rừng năm 2018. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ trồng rừng năm 2018.

Tập trung chỉ đạo sản xuất vụ Hè Thu 2018 và chuẩn bị sản xuất vụ Thu Đông 2018. Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp mở rộng, đa dạng hóa thị trường tiêu thụ, mở rộng xuất khẩu đối với các mặt hàng nông lâm và thủy sản. Tập trung kiểm tra phòng bệnh và tăng cường phòng, chống dịch trên đàn gia súc, gia cầm, đặc biệt là bệnh lở mồm long móng, bệnh cúm gia cầm H7N9...

Thực hiện tốt công tác dự báo, có phương án phòng, chống thiên tai, lũ lụt và tìm kiếm cứu nạn; kiểm soát chặt chẽ an toàn hồ, đập; việc tích nước, xả nước của các công trình thủy lợi, có phương án ứng phó khi có sự cố xảy ra.

5. Sở Công thương

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Phối hợp với Ban quản lý các Dự án nhà máy thủy điện tăng cường công tác kiểm tra an toàn các hồ, đập và kế hoạch điều tiết nước các công trình thủy điện nhằm đảm bảo phát điện và phục vụ nhu cầu sản xuất của nhân dân.

Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm trong kinh doanh mặt hàng thép, mặt hàng đường nhập lậu; mặt hàng bia, rượu, nước giải khát; mặt hàng xe máy điện, xe đạp điện và mũ bảo hiểm cho người đi mô tô xe máy; hoạt động kinh doanh mua bán thuốc tân dược, dụng cụ y tế, các dịch vụ khám chữa bệnh và các mặt hàng thiết yếu như: Xăng dầu, khí, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản... Tổ chức các đoàn thanh, kiểm tra chuyên đề và thanh tra chuyên ngành theo kế hoạch đã được duyệt về Vật liệu nổ công nghiệp, An toàn vệ sinh thực phẩm.

6. Sở Tài Nguyên và Môi trường

Tăng cường công tác cấp GCNQSD đất. Tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 (giai đoạn 2016-2020) của các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục đôn đốc, kiểm tra, nghiệm thu công tác đo đạc cắm mốc các công ty nông, lâm trường theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Đẩy mạnh các hoạt động bảo vệ môi trường. Ban hành kết luận thanh tra việc chấp hành pháp luật và thực hiện thủ tục hành chính về đất đai tại UBND huyện Ea Súp và tại 02 xã là Ya Tờ Mốt và Cư M'lan.

7. Về xây dựng cơ bản

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ngành liên quan và các địa phương:

Đôn đốc các chủ đầu tư khẩn trương hoàn thành các thủ tục đầu tư dự án; giải quyết kịp thời những vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch năm 2018; xử lý nghiêm các chủ đầu tư chậm trễ, thiếu trách nhiệm trong công tác chuẩn bị đầu tư.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 và thực hiện kế hoạch giám sát theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 về tình hình đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện thủ tục giải ngân và quyết toán các công trình, hạng mục đã hoàn thành. Tập trung thực hiện việc lập danh mục các dự án, công trình đấu thầu qua mạng theo quy định. Hoàn chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 và triển khai xây dựng Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2019 theo quy định.

- Sở Xây dựng: Tham mưu văn bản phân cấp phê duyệt dự án đầu tư và chủ đầu tư các dự án đầu tư công.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo Tổ chức triển khai phương hướng, nhiệm vụ năm học 2018-2019; Tổ chức bồi dưỡng thường xuyên, tập huấn hè cho cán bộ quản lý và giáo viên Trung học năm 2018. Tham gia lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức. Chỉ đạo tổ chức “Ngày hội đến trường của bé”. Kiểm tra công tác hè 2018 và chuẩn bị cho năm học 2018-2019.

9. Sở Lao Động, Thương binh và Xã hội

Tiếp tục thực hiện công tác việc làm - an toàn lao động, công tác lao động - tiền lương - bảo hiểm xã hội đúng quy định. Triển khai thực hiện điều tra nhu cầu sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp năm 2018. Tổ chức thực hiện các hoạt động Dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp, Việc làm, An toàn lao động. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tăng cường công tác tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp; xây dựng kế hoạch mở lớp bồi dưỡng kiến thức về khởi sự doanh nghiệp. Thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em; các chính sách người có công, giải quyết dứt điểm hồ sơ chế độ chính sách, xử lý hồ sơ thương binh già; thực hiện tốt giảm nghèo và công tác phòng chống các tệ nạn xã hội trên địa bàn tỉnh.

10. Sở Y tế

Tập trung thực hiện tốt công tác giám sát, theo dõi, xử lý, tổng hợp tình hình dịch bệnh tại các địa phương. Giám sát dịch tễ chủ động tại thành phố Buôn Ma Thuột, huyện Cư Kuin và huyện Buôn Đôn. Tuyên truyền sản xuất, kinh doanh đảm bảo điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm. Thanh tra về ATTP tại các cơ sở sản xuất nước uống đóng chai và nước đá thực phẩm đợt 2...Triển khai thực hiện các hoạt động của ngành y tế theo kế hoạch.

11. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Triển khai Kế hoạch cấp chiêng và trang phục truyền thống địa bàn các huyện, thị xã, thành phố năm 2018. Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ di tích Đồn điền Rossi, thị xã Buôn Hồ, Địa điểm tưởng niệm các Anh hùng liệt sỹ tại Buôn Tring 2, thị xã Buôn

Hồ. Tiếp tục hoàn thiện Đề án nâng cao chất lượng, đổi mới hình thức hoạt động của Bảo tàng tỉnh để thu hút khách tham quan và phát triển du lịch; Đề án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị lịch sử Nhà tù Buôn Ma Thuột. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền kỷ niệm 73 năm Ngày Cách mạng tháng Tám (19/8/1945 - 19/8/2018) và Quốc khánh 02/9 (02/9/1945 - 02/9/2018). Tiếp tục xây dựng Đề án Lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuột lần thứ 7 năm 2019; Cuộc thi thiết kế Biểu trưng Lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuột.

Tổ chức giải Karatedo vô địch tỉnh Đắk Lắk năm 2018. Công tác chuẩn bị phối hợp tổ chức giải Xe đạp Quốc tế VTV Cup Tôn Hoa Sen năm 2018; giải Bóng bàn các đội mạnh toàn quốc... Tiếp tục rà soát, đánh giá lực lượng vận động viên nòng cốt các môn tham gia Đại hội TDTT toàn quốc năm 2018.

Tiến hành các bước đề xuất chủ trương lập Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050. Thu thập thông tin phục vụ xây dựng Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

12. Sở Khoa học và Công nghệ

Tiếp tục theo dõi quản lý các đề tài/dự án cấp quốc gia, các đề tài chuyển tiếp và mở mới năm 2018; Tổng hợp hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp theo danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được phê duyệt thực hiện từ năm 2018. Tổ chức Hội đồng KH&CN tư vấn giao trực tiếp đề tài KH&CN cấp cơ sở năm 2018. Tổ chức Hội đồng kiểm tra giữa kỳ các đề tài triển khai năm 2017. Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động ứng dụng, chuyển giao KH&CN; quản lý tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Triển khai thực hiện kế hoạch “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Đắk Lắk đến năm 2025”.

13. Thanh tra tỉnh

Triển khai thực hiện tốt Chương trình, kế hoạch công tác thanh tra năm 2018. Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra theo quy định của pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra. Tăng cường kiểm tra, theo dõi nắm chắc tình hình, kịp thời xử lý các vụ khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp. Thực hiện tốt các biện pháp phòng ngừa tham nhũng.

14. Sở Tư pháp

Tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa kỳ 02 văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh (giai đoạn 2014 - 2018); tiếp tục thực hiện tốt công tác góp ý, thẩm định, kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL. Thực hiện kiểm tra và xây dựng các kết luận kiểm tra công tác thi hành pháp luật về đấu giá tài sản đối với tài sản có nguồn từ ngân sách nhà nước và công tác XLVPHC lĩnh vực thuế tại các đơn vị, địa phương theo Kế hoạch; xây dựng báo cáo khảo sát về tình hình thi hành pháp luật về đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh. Thực hiện bàn giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về xây dựng hương ước, quy ước trên địa bàn tỉnh cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ;... Thực hiện tốt công tác trợ giúp pháp lý, cấp phiếu Lý lịch tư pháp;...

15. Sở Nội vụ

Triển khai Kế hoạch cải thiện chỉ số CCHC và chỉ số hiệu quả quản trị và hành

chính công năm 2018. Tiếp tục triển khai các nội dung liên quan đến kiểm tra công tác CCHC của tỉnh năm 2018. Tổ chức lớp tập huấn về lập kế hoạch, theo dõi và đánh giá thực hiện nhiệm vụ CCHC. Phối hợp với Tỉnh đoàn triển khai tổ chức cuộc thi “Tìm kiếm sáng kiến, giải pháp CCHC tỉnh Đắk Lắk năm 2018”. Triển khai Kế hoạch đo lường chỉ số hài lòng của người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh (SIPAS). Thực hiện Chương trình “Dân hỏi, thủ trưởng cơ quan hành chính trả lời” chủ đề tháng 8 về “Đắk Lắk trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.

16. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

- Tăng cường lực lượng bám sát các địa bàn trọng điểm nắm tình hình, quản lý chặt hoạt động của các đối tượng liên quan ANQG; kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn âm mưu, hoạt động chống phá của các đối tượng chống đối chính trị. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các kế hoạch, biện pháp đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, phòng ngừa tai nạn giao thông; duy trì tuần tra kiểm soát, phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm TTATGT. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các sự kiện, mục tiêu, công trình trọng điểm, các đoàn lãnh đạo Đảng, Nhà nước đến tỉnh.

- Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ theo kế hoạch tại huyện Lắk.

Phần thứ ba

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Hiện nay, tỉnh đang xây dựng báo cáo đánh giá giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016-2020, kế hoạch kinh tế - xã hội đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2019; Tổng Cục thống kê có Quyết định số 286/QĐ-TCTK ngày 10/4/2018 về ban hành kế hoạch điều chỉnh quy mô GDP và GRDP giai đoạn 2015-2017. Do đó, kiến nghị UBND tỉnh giao Cục Thống kê tỉnh, phối hợp với các Sở, ngành liên quan làm việc hoặc đề nghị UBND tỉnh làm việc với Tổng Cục thống kê để xác định chính xác chỉ tiêu tăng trưởng của tỉnh từng năm và cả nhiệm kỳ 2016-2020 của tỉnh, sát đúng với tình hình thực tế.

2. Kiến nghị UBND tỉnh sớm xem xét giải quyết các nội dung trình của Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh, cụ thể:

- Phân khai chi tiết khoản thông báo sau nguồn vốn NST năm 2018 (Tờ trình số 307/TTr-SKHĐT ngày 29/6/2018). Kiến nghị UBND tỉnh sớm xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh để ban hành quyết định để các đơn vị triển khai thực hiện.

- Sớm xem xét, ban hành Quyết định giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 (Tờ trình số 308/TTr-SKHĐT ngày 29/6/2018), để các đơn vị kịp thời triển khai thực hiện.

- Phương án phân bổ vốn Chương trình XD NTM bố trí cho các dự án đầu tư theo cơ chế đầu tư thông thường (Công văn số 1671/SKHĐT-KGVX ngày 27/7/2018). Kiến nghị UBND tỉnh sớm xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh để chỉ đạo Sở Kế

hoạch và Đầu tư tham mưu triển khai thực hiện.

- Báo cáo đánh giá giữa kỳ thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách Trung ương giai đoạn 2016-2020 và xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2019 (Công văn số 1668/SKHĐT-TH ngày 26/7/2018). Kiến nghị UBND tỉnh sớm xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh đề báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

- Báo cáo đánh giá giữa nhiệm kỳ 03 năm thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Đắk Lắk (Công văn số 1701/SKHĐT-TH ngày 31/7/2018). Kiến nghị UBND tỉnh xem xét ban hành báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Viện nghiên cứu quản lý Trung ương theo quy định.

- Báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2019 (Công văn số 1700/SKHĐT-TH ngày 31/7/2018). Kiến nghị UBND tỉnh xem xét ban hành báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

- Báo cáo đánh giá giữa kỳ thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 05 năm 2016-2020 (Công văn số 1714/SKHĐT-TH ngày 31/7/2018). Kiến nghị UBND tỉnh xem xét ban hành báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

- Báo cáo kiểm điểm giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020 (Công văn số 1713/SKHĐT-TH ngày 31/7/2018). Kiến nghị UBND tỉnh xem xét tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của Thành viên UBND tỉnh để hoàn thiện trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động xây dựng báo cáo kiểm điểm giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện; xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2019; kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019 cấp huyện theo hướng dẫn tại Công văn số 1481/SKHĐT-TH ngày 03/7/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Trên đây là kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh tháng 7 và một số nhiệm vụ trọng tâm tháng 8 năm 2018. Ngoài các nhiệm vụ đề ra tại Báo cáo này, đề nghị các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào kết luận của UBND tỉnh trong Hội nghị để cụ thể hóa thành những nhiệm vụ trọng tâm của đơn vị mình, triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đạt kết quả. /.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- HU, HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Các Chủ đầu tư dự án;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, TH.

GIÁM ĐỐC



Đinh Xuân Hà

Biểu 1

TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN ĐÃ GIAO KẾ HOẠCH NĂM 2018 VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIẢI NGÂN ĐẾN 31/7/2018

(Kèm theo Báo cáo số 174/BC-SKHĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Sở KH&ĐT tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ	Tổng nguồn vốn	Trong đó: Vốn đầu tư phát triển	Ngân sách tỉnh quản lý	Thực hiện dự án Ngân sách tỉnh	Giải ngân đến 31/7/2018	Tỷ lệ giải ngân đến 31/7/2018	Ghi chú
	Tổng cộng	3.883.244	3.883.244	3.320.044	3.122.316	1.022.606	32,75	
I	NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (1+2+3+4+5)	1.776.811	1.776.811	1.213.611	1.033.811	549.162	53,12	
1	Trung ương cân đối vốn ĐTPT trong nước	882.910	882.910	834.910	834.910	465.782	55,79	
2	Thu tiền sử dụng đất	674.000	674.000	176.800	42.000	39.940	95,10	
3	Nguồn thu từ xổ số kiến thiết để đầu tư (Y tế, giáo dục)	130.000	130.000	112.000	112.000	41.625,00	37,17	
4	Nguồn vốn bán nhà (8.881 triệu đồng) và TP BMT hoàn trả tiền vay tín dụng ưu đãi (6.000 triệu đồng)	14.881	14.881	14.881	14.881	1.815,00	12,20	
5	Chi đầu tư từ nguồn vay bội chi (thông báo sau nếu phát sinh vay trong năm 2018)	45.000	45.000	45.000				
6	Ứng trước nguồn vốn tăng thu ngân sách cấp tỉnh năm 2017 cho đường Đông Tây, TPBMT	30.020	30.020	30.020	30.020		-	
II	NGUỒN VỐN NS TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ	1.232.928	1.232.928	1.232.928	1.215.000	415.580	34,20	
1	Vốn trong nước	315.000	315.000	315.000	315.000	201.670	64,02	
-	Chương trình phát triển KTXH vùng	114.517	114.517	114.517	114.517	72.304,00	63,14	
-	Chương trình mục tiêu hỗ trợ vốn đối ứng ODA	93.743	93.743	93.743	93.743	66.977,00	71,45	
-	Chương trình tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư	14.640	14.640	14.640	14.640	3.000,00	20,49	
-	Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo	23.000	23.000	23.000	23.000	14.790,00	64,30	
-	Chương trình mục tiêu Đầu tư hạ tầng kinh tế ven biển, Khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng	10.100	10.100	10.100	10.100	2.700,00	26,73	
-	Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội	5.800	5.800	5.800	5.800	901,00	15,53	
-	Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp-việc làm và An toàn lao động	4.300	4.300	4.300	4.300	500,00	11,63	

STT	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ	Tổng nguồn vốn	Trong đó: Vốn đầu tư phát triển	Ngân sách tỉnh quản lý	Thực hiện dự án Ngân sách tỉnh	Giải ngân đến 31/7/2018	Tỷ lệ giải ngân đến 31/7/2018	Ghi chú
-	Chương trình mục tiêu phát triển Văn hóa	8.200	8.200	8.200	8.200	7.833,00	95,52	
-	Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch	20.900	20.900	20.900	20.900	20.900,00	100,00	
-	Chương trình mục tiêu quốc phòng an ninh trên địa bàn trọng	19.800	19.800	19.800	19.800	11.765,00	59,42	
2	Chương trình Hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ	17.928	17.928	17.928				
3	Vốn nước ngoài	900.000	900.000	900.000	900.000	213.910	23,77	
III	Vốn trái phiếu Chính phủ	679.040	679.040	679.040	679.040	52.860	7,78	
1	Kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ cho giáo viên	59.040	59.040	59.040	59.040	52.860,00	89,53	
2	Thủy lợi	620.000	620.000	620.000	620.000		-	
IV	Vốn Chương trình MTQG	194.465	194.465	194.465	194.465	5.004	2,57	

PHỤ LỤC 2: BÁO CÁO THÁNG 7/2018 - TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KT-XH TỈNH ĐẮK LẮK
(Kèm theo Báo cáo số: 1745 /BC-SKHĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk)

Stt	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm 2018 (nếu có)*	Kết quả thực hiện tháng 6/2018	Kết quả thực hiện tháng 7/2018	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng 7/2018	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng BC cùng kỳ năm 2017	So sánh (%)			
								Lũy kế đến hết tháng 7/2018 so với KH năm	Lũy kế đến hết tháng 7/2018 so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng 7/2018 so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng BC	Thực hiện tháng 7/2018 so với tháng 6/2018
			1	2	3	4	5	6=(4/1)	7=(4/5)	8=4/(4-3)	9=(3/2)
1	CỤC THỐNG KÊ										
1.1	Giá trị sản xuất										
	- Giá trị sản xuất công nghiệp (giá SS 2010)	Tỷ đồng	15.000	950	1.083	6.758	5.131	45,1	131,72	119,08	113,97
1.2	Khối lượng hàng hóa vận chuyển	Ngàn tấn		2.372	2.406	15.390	13.089		117,58	118,53	101,43
	Khối lượng hàng hóa luân chuyển	triệu tấn.km		344	349	2.274	1.990		114,30	118,12	101,37
	Khối lượng hành khách vận chuyển	Ngàn HK		8.784	8.826	58.317	54.265		107,47	117,83	100,48
	Khối lượng hành khách luân chuyển	triệu HK.km		919	924	6.081	5.704		106,62	117,91	100,48
2	SỞ TÀI CHÍNH										
2.1	Tổng thu cân đối NSNN trên địa bàn	Tỷ đồng	5.000,0		406,082	3.345,38		66,9			
2.2	Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	14.628		1.049,62	7.672,99		52,5			
3	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT										
3.1	Sản phẩm chủ yếu:										
	- Sản lượng lương thực có hạt	Tấn	1.166.802								
	- Thịt hơi các loại	Tấn		2.153,552	2.950	14.031,144					
	- Sản lượng đánh bắt và nuôi trồng thủy, hải sản	Tấn	23.640	705	1.743	11.505	11.809	49	97	118	247
3.2	Tổng diện tích thực hiện vụ Đông Xuân	Ha	44.851,000		56.383						
	Tổng diện tích thực hiện vụ Hè Thu	Ha	206.868,000		8.544						
3.3	Số vụ vi phạm lâm luật	Vụ		115,00	78,00	735,00	804,00		0,91	1,12	0,68
3.4	Số con gia cầm mắc dịch bệnh	con		0	0	0	10.698				
	Số con gia súc mắc dịch bệnh	con		0	0	182	478				

Stt	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm 2018 (nếu có)*	Kết quả thực hiện tháng 6/2018	Kết quả thực hiện tháng 7/2018	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng 7/2018	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng BC cùng kỳ năm 2017	So sánh (%)			
								Lũy kế đến hết tháng 7/2018 so với KH năm	Lũy kế đến hết tháng 7/2018 so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng 7/2018 so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng BC	Thực hiện tháng 7/2018 so với tháng 6/2018
			1	2	3	4	5	6=(4/1)	7=(4/5)	8=4/(4-3)	9=(3/2)
3.5	Sản lượng cá bột	Triệu con	1.500	30	20	770	750	51	103	103	67
	Sản lượng cá giống	Triệu con	60	4	6	31	30	52	103	124	150
	Diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn:	Ha	11.500	345	1150	6.325	6.401	55	99	122	333
	+ Thâm canh	Ha		70	110	780	810		96	116	157
	+ Quảng canh	Ha		275	1040	5.545	5591		99	123	378
	Sản lượng thu hoạch cá thương phẩm	Tấn	21.840	437	1529	10.265	10.586	47	97	118	350
	Số lồng cá nước lạnh/tổng đàn cá nước lạnh	lồng/ngành con		0	0	303	98				
4	VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC BCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN										
	Số vụ thiên tai (giông, sét, bão, lũ, lụt, hạn hán...)	Vụ		7	-	14	19				
	Số người chết, mất tích do thiên tai	Người		1	-	4	-				
	Giá trị thiệt hại ước tính	Tỷ đồng		2,00	-	154,50	70,30				
	Khắc phục thiệt hại	Tỷ đồng		-	-	-	-				
5	SỞ CÔNG THƯƠNG										
5.1	Sản phẩm chủ yếu										
	Đá xây dựng các loại	10 ³ m ³	2.800	183	185	1.125	1.035	40,18	108,70	119,68	101,09
	Cát xây dựng	10 ³ m ³	1.100	92	95	765	675	69,55	113,33	114,18	103,26
	Gạch nung quy chuẩn	10 ³ viên	720.000	81.000	82.000	453.000	460.258	62,92	98,42	122,10	101,23
	Gạch lát các loại	10 ³ viên	665	52	55	372	381	55,94	97,64	117,35	105,77
	Đá Granít	10 ³ m ²	45	3	3	18	20	40,00	90,00	120,00	100,00
	Bê tông và SP từ bê tông	m ³	45.000	7.800	8.000	45.250	47.084	100,56	96,10	121,48	102,56
	Khai thác Fenspat	1.000Tấn	12	1	1	7	6	58,33	116,67	116,67	100,00
	Luyện, cán thép	Tấn	67.000	5.700	6.000	38.800	38.580	57,91	100,57	118,29	105,26
	Lưới thép	10 ³ m ²	115	9	10	65	64	56,52	101,56	118,18	111,11

Stt	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm 2018 (nếu có)*	Kết quả thực hiện tháng 6/2018	Kết quả thực hiện tháng 7/2018	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng 7/2018	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng BC cùng kỳ năm 2017	So sánh (%)			
								Lũy kế đến hết tháng 7/2018 so với KH năm	Lũy kế đến hết tháng 7/2018 so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng 7/2018 so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng BC	Thực hiện tháng 7/2018 so với tháng 6/2018
			1	2	3	4	5	6=(4/1)	7=(4/5)	8=4/(4-3)	9=(3/2)
	Cán tôn	10 ³ m ²	540	47	50	322	313	59,63	102,88	118,38	106,38
	Cửa sắt, nhôm các loại	10 ³ m ²	620	57	60	353	340	56,94	103,82	120,48	105,26
	Thiết bị chế biến nông sản	chiếc	13.000	1.250	1.275	8.025	7.720	61,73	103,95	118,89	102,00
	Bơm nước các loại	chiếc	56.000	5.550	5.575	33.175	31.800	59,24	104,32	120,20	100,45
	Trung đại tu ô tô	chiếc	2.200	186	187	1.152	1.095	52,36	105,21	119,38	100,54
	Sơ chế cà phê	10 ³ Tấn	350	37	40	189	174	54,00	108,62	126,85	108,11
	Cà phê bột	Tấn	27.000	1.932	2.100	15.299	13.460	56,66	113,66	115,91	108,70
	Cà phê hòa tan	Tấn	6.000	560	600	3.830	3.090	63,83	123,95	118,58	107,14
	Hạt điều nhân	Tấn	650	59	62	399	340	61,38	117,35	118,40	105,08
	Tinh bột sắn	Tấn	200.000	1.386	1.705	102.705	95.000	51,35	108,11	101,69	123,02
	Đường các loại	Tấn	45.000	1.000	1.200	90.000	42.000	200,00	214,29	101,35	120,00
	Cao su và SP cao su	Tấn	2.650	280	287	1.772	1.459	66,87	121,45	119,33	102,50
	Rượu, nước giải khát, nloc	10 ³ Lít	30.000	2.950	2.975	20.055	7.257	66,85	276,35	117,42	100,85
	Bia các loại	10 ³ Lít	90.000	8.400	8.600	54.900	37.300	61,00	147,18	118,57	102,38
	Đá cây	10 ³ Tấn	350	32	33	229	229	65,43	100,00	116,84	103,13
	Bánh kẹo các loại	Tấn	600	55	57	327	304	54,50	107,57	121,11	103,64
	Muối lốt, muối chế biến	Tấn	6.100	485	495	3.545	3.557	58,11	99,66	116,23	102,06
	Quần áo, SP dệt	10 ³ chiếc	18.500	985	1.020	6.670	6.952	36,05	95,94	118,05	103,55
	Giày dép các loại	10 ³ đôi	3.800	275	284	1.824	1.820	48,00	100,22	118,44	103,27
	Trang in	10 ⁶ trang	560	55	58	306	285	54,64	107,37	123,39	105,45
	Sản phẩm nhựa	Tấn	7.500	495	498	3.258	3.245	43,44	100,40	118,04	100,61
	Bao bì các loại	10 ³ chiếc	18.500	962	970	6.440	5.900	34,81	109,15	117,73	100,83
	Thức ăn gia súc	Tấn	800	63	65	425	420	53,13	101,19	118,06	103,17
	Than tổ ong	Tấn	6.500	465	477	3.139	3.087	48,29	101,68	117,92	102,58
	Phân vi sinh	Tấn	10.000	320	350	3.310	3.200	33,10	103,44	111,82	109,38
	Điện thương phẩm	10 ⁶ Kwh	1.650	115	119	1.056	884	64,00	119,46	112,70	103,48
	Điện sản xuất	10 ⁶ Kwh	3.500	215	315	1.507	1.672	43,06	90,13	126,43	146,51
	Nước máy ghi thu	10 ³ m ³	45.000	3.800	3.850	25.750	24.800	57,22	103,83	117,58	101,32
	Gỗ xẻ các loại	m ³	4.000	335	338	1.888	1.780	47,20	106,07	121,81	100,90
	Gỗ tinh chế	m ³	11.500	875	882	6.002	6.200	52,19	96,81	117,23	100,80

Stt	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm 2018 (nếu có)*	Kết quả thực hiện tháng 6/2018	Kết quả thực hiện tháng 7/2018	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng 7/2018	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng BC cùng kỳ năm 2017	So sánh (%)			
								Lũy kế đến hết tháng 7/2018 so với KH năm	Lũy kế đến hết tháng 7/2018 so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng 7/2018 so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng BC	Thực hiện tháng 7/2018 so với tháng 6/2018
			1	2	3	4	5	6=(4/1)	7=(4/5)	8=4/(4-3)	9=(3/2)
	Ván nhân tạo, gỗ dán	m ³	6.500	573	576	3.915	3.695	60,23	105,95	117,25	100,52
	Mộc dân dụng	bộ	3700	290	295	2.000	1.980	54,05	101,01	117,30	101,72
	Gỗ dăm	Tấn	22.000	1.300	1.350	9.820	10.090	44,64	97,32	115,94	103,85
	Gạch không nung	10 ³ viên	13.000	680	750	4.210	3.450	32,38	122,03	121,68	110,29
	Ca cao	Tấn	800	65	70	405	330	50,63	122,73	120,90	107,69
5.2	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	68.020	5.630	5.758	39.845	36.735	58,58	108,47	116,89	102,27
5.3	Tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn	Triệu USD	600	50	55	355	391,0	59,17	90,79	118,33	110,00
5.4	Tổng giá trị kim ngạch nhập khẩu trên địa bàn	Triệu USD	40	17	3	64	33,05	160,00	193,68	104,92	17,65
5.5	Giá trị sản xuất ngành công nghiệp										
	Theo giá so sánh 2010	Tỷ đồng	15.000	950	1.083	6.758	5.131	45,1	131,72	119,08	113,97
6	SỞ XÂY DỰNG										
	Phê duyệt chủ trương lập và điều chỉnh quy hoạch	chủ trương		2	2	8				133,33	100,00
	Cấp giấy phép xây dựng công trình	công trình		7	9	55	64		85,94	119,57	128,57
	Cấp giấy phép quy hoạch xây dựng công trình	công trình		2	2	20	27		74,07	111,11	100,00
	Kiểm tra trật tự xây dựng	công trình		3	20	50				166,67	
	Xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng	đơn vị		1	1	10				111,11	
7	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI										
7.4	Cấp giấy chứng nhận QSD đất hộ gia đình, cá nhân										
	Số lượng cấp	Giấy	20.000	1.252	1.390	10.965	9.233	54,83	118,76	114,52	111,02
	Diện tích cấp	Ha	11.700	664,66	715,47	4.741,05	5.188,05	40,52	91,38	117,77	107,64

Stt	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm 2018 (nếu có)*	Kết quả thực hiện tháng 6/2018	Kết quả thực hiện tháng 7/2018	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng 7/2018	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng BC cùng kỳ năm 2017	So sánh (%)			
								Lũy kế đến hết tháng 7/2018 so với KH năm	Lũy kế đến hết tháng 7/2018 so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng 7/2018 so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng BC	Thực hiện tháng 7/2018 so với tháng 6/2018
			1	2	3	4	5	6=(4/1)	7=(4/5)	8=4/(4-3)	9=(3/2)
7.2	Cấp giấy chứng nhận QSD đất các tổ chức										
	Số lượng cấp	Giấy	150	8	7	53	60	35,33	88,33	115,22	87,50
	Diện tích cấp	Ha	300	1,36	11,46	46,83	1.924,01	15,61	2,43	132,41	842,13
7.3	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp	Ha		4,70	4,80	27,23	29,16		93,37	121,42	102,10
7.4	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất cho các đơn vị	đơn vị		4	3	32				110,34	75,00
7.5	Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác	Dự án		2	2	14				116,67	100,00
7.6	Tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường, tài nguyên, khoáng sản	đơn vị		3	3	13				130,00	100,00
7.7	Ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính	đơn vị									
7.8	Số vụ vi phạm môi trường	vụ			1						
	Số tiền xử phạt vi phạm môi trường	Triệu đồng			4,95						
8	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ										
8.1	Phát triển doanh nghiệp	D. nghiệp									
	Số doanh nghiệp đang còn hoạt động	D. nghiệp	8.050	7189	7179	7179	6981	89,18	102,84		99,86
	Số doanh nghiệp thành lập mới	D. nghiệp		85	66	546	516	0	105,81	113,75	77,65
	Số doanh nghiệp giải thể	D. nghiệp		11	4	65	46	0	141,30	106,56	36,36
	Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động	D. nghiệp		27	32	280	245	0	114,29	112,90	118,52
	Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động đã quay trở lại hoạt động	D. nghiệp		16	18	153	134	0	114,18	113,33	112,50

Stt	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm 2018 (nếu có)*	Kết quả thực hiện tháng 6/2018	Kết quả thực hiện tháng 7/2018	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng 7/2018	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng BC cùng kỳ năm 2017	So sánh (%)			
								Lũy kế đến hết tháng 7/2018 so với KH năm	Lũy kế đến hết tháng 7/2018 so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng 7/2018 so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng BC	Thực hiện tháng 7/2018 so với tháng 6/2018
			1	2	3	4	5	6=(4/1)	7=(4/5)	8=4/(4-3)	9=(3/2)
	Số DNNN được sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp	D. nghiệp	3	1		1		33,33		100,00	0,00
	Số hợp tác xã (HTX) thành lập mới	HTX	40	37	6	43		107,50		116,22	16,22
	Số HTX tồn tại trên danh nghĩa, HTX ngừng hoạt động	HTX		95	97	103					102,11
	Số tổ hợp tác (THT), HTX còn hoạt động	THT, HTX		317	335	337					105,68
8.2	Xúc tiến đầu tư										
	- Số dự án thu hút đầu tư, trong đó:	Dự án		9	0	52	65		80,00	100,00	0,00
	+ Tổng vốn đầu tư đăng ký	Tỷ đồng		1.433	0	7.242	3.276		221,06	100,00	0,00
	- Số dự án phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư, trong đó:	Dự án		5	2	38	33		115,15	105,56	40,00
	+ Tổng vốn đầu tư đăng ký	Tỷ đồng		2.966	1.277	6.732	2.473		272,22	123,41	43,05
8.3	Hoạt động kinh tế đối ngoại										
	- Dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), trong đó:	Dự án		0	0	1	1		100		
	+ Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng (Tỷ giá: 22.500)		0	0	45	1.013		4,44		
	- Dự án Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), trong đó:	Dự án		0	0	0	1				
	+ Tổng vốn	Tỷ đồng		0	0	0	495				
	- Dự án từ nguồn vốn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (NGO), trong đó:	Dự án		0	1	7	10		70,0		
	+ Tổng vốn	Tỷ đồng			0,76	9,179	57,6		15,9		

Stt	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm 2018 (nếu có)*	Kết quả thực hiện tháng 6/2018	Kết quả thực hiện tháng 7/2018	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng 7/2018	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng BC cùng kỳ năm 2017	So sánh (%)			
								Lũy kế đến hết tháng 7/2018 so với KH năm	Lũy kế đến hết tháng 7/2018 so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng 7/2018 so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng BC	Thực hiện tháng 7/2018 so với tháng 6/2018
			1	2	3	4	5	6=(4/1)	7=(4/5)	8=4/(4-3)	9=(3/2)
	- Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP, trong đó:	Dự án		0	0	1	0				
	+ Tổng vốn	Tỷ đồng		0		35,969	0				
	- Số dự án đầu tư được cấp giấy chứng nhận đầu tư	Dự án		0	0	3	4		75		
8.4	Đầu tư xây dựng cơ bản										
a	Thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Dự án		18	13	73				121,67	72,22
	Trong đó:										
	+ Số dự án trình thẩm định đúng quy định	Dự án		18	13	73				121,67	72,22
	+ Số dự án trình thẩm định không đúng quy định	Dự án		0	0	0					
b	Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình	Dự án		18	8	54				117,39	44,44
	Trong đó:										
	+ Số dự án trình thẩm định đúng quy định	Dự án		18	8	54				117,39	44,44
	+ Số dự án trình thẩm định không đúng quy định	Dự án		0	0	0					
c	Tình hình giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu	Hồ sơ		13	28	113				132,94	215,38
	Trong đó:										
	+ Tuân thủ các quy định về đấu thầu	Hồ sơ		13	28	113				132,94	215,38
	+ Không tuân thủ các quy định về đấu thầu	Hồ sơ		0	0	0					
9	SỐ Y TẾ										
9.1	Công tác y tế dự phòng										
	Số người mắc bệnh truyền nhiễm, trong đó:	Người									
	- Bệnh Tay chân miệng	Người		59	79	222	517		42,9	155,24	133,90

Stt	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm 2018 (nếu có)*	Kết quả thực hiện tháng 6/2018	Kết quả thực hiện tháng 7/2018	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng 7/2018	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng BC cùng kỳ năm 2017	So sánh (%)			
								Lũy kế đến hết tháng 7/2018 so với KH năm	Lũy kế đến hết tháng 7/2018 so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng 7/2018 so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng BC	Thực hiện tháng 7/2018 so với tháng 6/2018
			1	2	3	4	5	6=(4/1)	7=(4/5)	8=4/(4-3)	9=(3/2)
	- Bệnh Liên cầu lợn	Người		0	0	0	0				
	- Bệnh Viêm não Nhật Bản	Người		0	0	0	1				
	- Bệnh sốt xuất huyết	Người	<88,4	27	43	147	731		20,1	141,35	159,26
	- Bệnh Đại	Người		0	0	2	1				
	Kết quả tiêm chủng mở rộng:										
	- Tiêm sởi-rubella trẻ 18 tháng tuổi	trẻ	37.060		6.696	12.548	15.507	33,86	80,9	214,42	#DIV/0!
	- Tiêm DPT trẻ 18 tháng tuổi	trẻ	37.060	1.824	434	13.045	15.785	35,20	82,6	103,44	23,79
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vacxin	%	95	8,2	9,1	51,7	41,9				
9.2	Số lượt Bệnh nhân khám tại các bệnh viện công lập	Lượt		58.874	59.867	366.136	358.787		102,0	119,55	101,69
	- Số HIV/AIDS/TV mới phát hiện	Người		7	0	13	22		59,1	100,00	0,00
9.3	- Tổng số bệnh nhân tham gia điều trị bằng Methadone	Người		327	331	504	399		126,3	291,33	101,22
9.4	Số Cơ sở thực phẩm thăm định điều kiện ATTP	Cơ sở		7	8	55	59		93,2	117,02	114,29
9.5	Tổ chức khám tại Trung tâm Da liễu cho các đối tượng phong, da liễu	Người	10.000	911	1324	6520	6946	65,2	93,9	125,48	145,33
9.6	Tổng Số Bệnh nhân sốt rét	Người		19	20	158	79		200,0	114,49	105,26
	- Số lượng khám, điều trị phụ khoa	Người		102	110	571	530		107,7	123,86	107,84
9.7	- Số lượng khám, điều trị cho trẻ em	Người		10	18	72	65		110,8	133,33	180,00
9.8	Tổ chức kiểm tra chất lượng thuốc, mỹ phẩm	Mẫu	560	71	59	342	384	61,07	89,1	120,85	83,10

Stt	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm 2018 (nếu có)*	Kết quả thực hiện tháng 6/2018	Kết quả thực hiện tháng 7/2018	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng 7/2018	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng BC cùng kỳ năm 2017	So sánh (%)			
								Lũy kế đến hết tháng 7/2018 so với KH năm	Lũy kế đến hết tháng 7/2018 so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng 7/2018 so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng BC	Thực hiện tháng 7/2018 so với tháng 6/2018
			1	2	3	4	5	6=(4/1)	7=(4/5)	8=4/(4-3)	9=(3/2)
9.9	Số ca mắc, chết do các bệnh dịch	vụ		0	0	0	0				
9.10	Số người chết do AIDS mới phát hiện	người		0	0	0	0				
9.11	Số vụ/ số người mắc/số người chết do ngộ độc thực phẩm	vụ/người		0	0	0	0				
10	BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH										
	Số người tham gia BHXH, BHYT, BHTN	Người	1.624.669	-2.508	3.298	1.543.919	1.487.866	95,0	103,8	100,2	-131,5
	Tổng số tiền thu BHXH, BHYT, BHTN	Triệu đồng	2.830.700	300.000	250.000	1.531.659	1.423.103	54,1	107,6	119,5	83,3
	Tổng số tiền chi bảo hiểm BHXH, BHYT, BHTN	Triệu đồng	2.167.534	183.250	187.907	1.256.694	1.083.393	58,0	116,0	117,6	102,5
	Tổng số tiền nợ bảo hiểm BHXH, BHYT, BHTN	Triệu đồng	73.032	-6.233	-39.150	73.745	114.244	101,0	64,6	65,3	628,1
11	SỞ VĂN HÓA - THỂ THAO VÀ DU LỊCH										
11.1	Tổng số lượt khách du lịch, trong đó:	1.000 lượt	810	68	65	500	408	61,73	122,5	114,9	95,6
	+ Tổng số lượt khách du lịch tham quan Bảo tàng tỉnh, di tích Biệt điện Bảo Đại, Nhà đày Buôn Ma Thuột...	1.000 lượt	76	7.536	6,24	68.742	62.464	90,45	110,1	110,0	82,8
	+ Tổng lượt khách quốc tế	1.000 lượt	75	6,1	6	44,75	39	59,67	114,7	115,5	98,4
11.2	Tổng doanh thu du lịch	Tỷ đồng	750	63	62	455	348	60,67	130,7	115,8	98,4

Stt	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm 2018 (nếu có)*	Kết quả thực hiện tháng 6/2018	Kết quả thực hiện tháng 7/2018	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng 7/2018	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng BC cùng kỳ năm 2017	So sánh (%)			
								Lũy kế đến hết tháng 7/2018 so với KH năm	Lũy kế đến hết tháng 7/2018 so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng 7/2018 so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng BC	Thực hiện tháng 7/2018 so với tháng 6/2018
			1	2	3	4	5	6=(4/1)	7=(4/5)	8=4/(4-3)	9=(3/2)
12	CÔNG AN TỈNH										
12.1	Tình hình tai nạn giao thông										
	- Về số vụ	vụ		25,00	24,00	285	346,00				
	- Về số người chết	người		13,00	13,00	153	186,00				
	- Về số người bị thương	người		26,00	20,00	226	315,00				
12.2	Số đối tượng, số vụ vi phạm pháp luật về trật tự quản lý kinh tế	Đối tượng /vụ		10/11	11/10	219/227	227/230				
12.3	Số đối tượng, số vụ vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường	Đối tượng /vụ		25/23	32/39	270/272	224/236				
12.4	Số đối tượng, số vụ phạm tội về ma túy	Đối tượng /vụ		22/18	22/27	155/132	119/111				
12.5	Tuần tra kiểm soát, phát hiện, lập biên bản trường hợp vi phạm an toàn giao thông	Trường hợp		8.781	9.811	82.260	72.579,00				
12.6	- Số phương tiện đăng ký thêm:			327	282	2.269	0				
	+ Phương tiện hành khách	chiếc		236	221	1.476					
	+ Phương tiện hàng hóa	chiếc		91	61	793					
	- Số phương tiện đăng ký mới phân theo loại phương tiện:			5.442	5.026	47.498	0				
	+ Ô tô	xe		332	282	2.274					
	+ Xe máy	xe		5.110	4.744	45.224					
13	CẢNH SÁT PCCC TỈNH										
	Số vụ cháy, nổ	Vụ		4	3	39	21				
	Số người chết, bị thương	Người		0	0	0	0				
	Thiệt hại tài sản	Triệu đồng		680 triệu đồng	01 tỷ đồng	9,66 tỷ đồng và 30,045ha rừng	3,141 tỷ đồng				
	Số vụ cứu nạn cứu hộ	Vụ		0	2	9	11				
	Số vụ vi phạm PCCC	vụ		10	1	24	110				
	Số tiền xử phạt PCCC	Triệu đồng		28,15	3,5	61,1	237,6				

Stt	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm 2018 (nếu có)*	Kết quả thực hiện tháng 6/2018	Kết quả thực hiện tháng 7/2018	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng 7/2018	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng BC cùng kỳ năm 2017	So sánh (%)			
								Lũy kế đến hết tháng 7/2018 so với KH năm	Lũy kế đến hết tháng 7/2018 so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng 7/2018 so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng BC	Thực hiện tháng 7/2018 so với tháng 6/2018
			1	2	3	4	5	6=(4/1)	7=(4/5)	8=4/(4-3)	9=(3/2)
14	SỞ TƯ PHÁP										
14.1	Số văn bản QPPL được góp ý, thẩm định	Văn bản			4	32				114,29	
14.2	Phát hành Bản tin Tư pháp	Cuốn			3.500	24.500				116,67	
14.3	Cấp phiếu LLTP	Phiếu			721	4.494				119,11	
14.4	Công tác hỗ trợ tư pháp										
	Số lượng công chứng	Trường hợp			1.616	66.777				102,48	
	Thu phí công chứng	Triệu đồng			335	13.002				102,64	
	Số lượng chứng thực	Trường hợp			2.914	58.626				105,23	
	Thu phí chứng thực	Triệu đồng			20	387				105,45	
	Số cuộc bán đấu giá tài sản	Cuộc			28	378				108,00	
14.5	Số vụ việc, đối tượng được TGPL	Vụ/đối tượng			69/69	523/523					
27	TRANH TRA TỈNH										
27.1	Công tác thanh tra										
	- Số cuộc thanh tra hành chính	Cuộc			1.802	40.041	10.248		391	104,71	
	+ Phát hiện sai phạm về kinh tế	Triệu đồng			1.377	30.912	7.412		417	104,66	
	+ Kiến nghị thu hồi nợ ngân sách Nhà nước	Triệu đồng			425	9.129	2.836		322	104,88	
	+ Giám trừ quyết toán	Triệu đồng			0	3.408	333		1.023	100,00	
	+ Kiến nghị xử lý khác	Triệu đồng			951	18.374	4.243		433	105,46	
	+ Đã thu hồi nợ ngân sách Nhà nước	Triệu đồng			180	1.840	2.201		84	110,84	
	- Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành	Cuộc			88	579	732		79	117,92	
	- Phát hiện sai phạm về thanh tra kiểm tra chuyên ngành:										
	+ Số Quyết định xử phạt vi phạm hành chính	Quyết định			63	715	808		88	109,66	
	+ Số tiền xử phạt vi phạm hành chính	Triệu đồng			639	5.494	5.029		109	113,16	
	+ Đã thu hồi nợ ngân sách Nhà nước	Triệu đồng			175	811	2.876		28	127,52	
27.2	Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo										
	Số lượt công dân đến khiếu nại, kiến nghị, phản ánh	Lượt			57	3.150	1.595		197	101,84	

Stt	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm 2018 (nếu có)*	Kết quả thực hiện tháng 6/2018	Kết quả thực hiện tháng 7/2018	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng 7/2018	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng BC cùng kỳ năm 2017	So sánh (%)			
								Lũy kế đến hết tháng 7/2018 so với KH năm	Lũy kế đến hết tháng 7/2018 so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng 7/2018 so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng BC	Thực hiện tháng 7/2018 so với tháng 6/2018
			1	2	3	4	5	6=(4/1)	7=(4/5)	8=4/(4-3)	9=(3/2)
	Số vụ khiếu nại, kiến nghị, phản ánh	Vụ			57	2.147	1.595		135	102,73	
	Tiếp nhận mới đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Đơn			120	2.474	2.156			105,10	
	Tổng số đơn phải xử lý	Đơn			134	2.708	2.226		122	105,21	
	Đơn đủ điều kiện xem xét, xử lý	Đơn			94	2.165	1.735		125	104,54	
28	SỞ NỘI VỤ										
28.1	Quyết định tiếp nhận và bổ nhiệm, điều động và bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	Trường hợp		2	2	16				114,29	
28.2	Quyết định, thỏa thuận tiếp nhận, điều động	Trường hợp		13	73	109				302,78	561,54
28.3	Quyết định cử công chức, viên chức đi học sau đại học	Trường hợp		0	0	43				100,00	
28.4	Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, trước thời hạn	Trường hợp		4	20	494				104,22	500,00
28.5	Công tác thi đua, khen thưởng										
	Khen thưởng tập thể	Đơn vị		4	34	510				107,14	850,00
	Khen thưởng cá nhân	Cá nhân		16	30	423				107,63	187,50
29	SỞ NGOẠI VỤ										
29.1	Số đoàn vào và chuyên gia nước ngoài đến tính	Đoàn/ người		31/75	14/33	104/295	20/67				
29.2	Số đoàn ra và công chức, viên chức tính đi nước ngoài	Đoàn/ người		18/124	38/104	95/512	16/60				